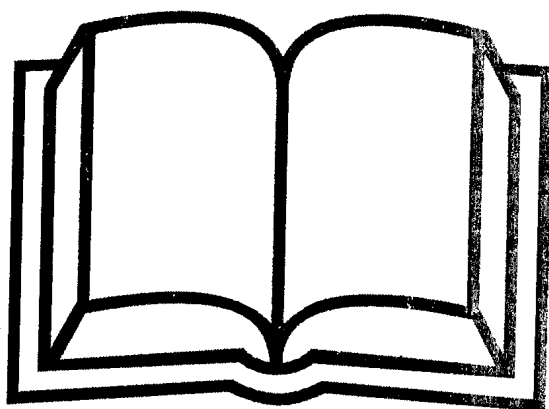




**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÍ III NĂM 2012**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH (MÃ CK:HMH)**



**Tp.HCM, ngày 13.11.2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số dư ngày 30/09/2012	Số dư ngày 01/01/2012
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>80.556.507.693</b>	<b>98.148.791.450</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>37.024.503.255</b>	<b>57.678.932.405</b>
1. Tiền	111		19.410.780.651	14.965.209.801
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.613.722.604	42.713.722.604
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>39.444.151.708</b>	<b>38.449.487.201</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	29.675.316.549	34.047.030.454
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	4.471.310.967	2.491.011.668
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	5.390.524.192	2.004.445.079
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(93.000.000)	(93.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>161.482.455</b>	<b>349.309.487</b>
Hàng tồn kho	141		161.482.455	349.309.487
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.926.370.275</b>	<b>1.671.062.357</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	674.285.011	156.378.574
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		610.486.514	390.857.176
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	2.641.598.750	1.123.826.607
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>151.937.922.483</b>	<b>102.161.449.050</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>76.714.137.520</b>	<b>38.624.990.426</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	47.558.320.520	37.504.990.426
<i>Nguyên giá</i>	222		88.758.953.936	71.665.621.693
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(41.200.633.416)	(34.160.631.267)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	28.605.376.000	1.120.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		28.622.376.000	1.137.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(17.000.000)	(17.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		550.441.000	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.9	<b>70.181.688.086</b>	<b>57.881.716.481</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		63.381.688.086	51.081.716.481
2. Đầu tư dài hạn khác	258		6.800.000.000	6.800.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.886.774.135</b>	<b>1.942.597.741</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.618.481.277	1.674.304.883
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	268.292.858	268.292.858
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>3.155.322.742</b>	<b>3.712.144.402</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>232.494.430.176</b>	<b>200.310.240.500</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư	
			ngày 30/09/2012	ngày 01/01/2012
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.771.313.056</b>	<b>36.321.956.246</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.303.644.003</b>	<b>36.087.593.525</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	342.563.969
2. Phải trả người bán	312	V.12	24.092.102.428	22.119.769.829
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	869.430.372	5.589.260
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	3.819.413.846	4.917.319.830
5. Phải trả người lao động	315		1.933.083.686	1.136.510.442
6. Chi phí phải trả	316		56.874.092	16.450.000
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.183.152.899	6.653.180.700
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.123.087.923	495.264.372
9. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323		1.226.498.757	400.945.123
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>467.669.053</b>	<b>234.362.721</b>
1. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333		300.000.000	-
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		167.669.053	234.362.721
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>177.615.854.593</b>	<b>160.635.027.819</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>177.615.854.593</b>	<b>160.635.027.819</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.848.930.000	73.574.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.928.510.000	1.928.510.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		4.573.065.830	(4.571.898.630)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.051.360.115	2.051.360.115
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.375.997.936	3.168.311.136
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		75.984.122.372	84.483.785.198
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. Lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>17.107.262.527</b>	<b>3.353.256.435</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>232.494.430.176</b>	<b>200.310.240.500</b>


**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư	
			ngày 30/09/2012	ngày 01/01/2012
Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
Ngoại tệ các loại:	05			
- Dollar Mỹ (USD)			6.073,31	90.372,00
- Dollar Singapore (SGD)			-	402,18



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2012

**NGUYỄN QUỐC HÙNG**  
 Giám đốc

  
**NGUYỄN THẾ HÙNG**  
 Kế toán trưởng

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2012	Lũy kế từ đầu năm 2012	Quý 3 năm 2011	Lũy kế từ đầu năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	33.165.838.051	95.764.562.612	31.178.965.385	89.034.255.237
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-		
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		33.165.838.051	95.764.562.612	31.178.965.385	89.034.255.237
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	24.003.926.791	72.879.677.342	23.809.754.474	66.325.184.033
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.161.911.260	22.884.885.270	7.369.210.911	22.709.071.204
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	986.811.014	3.636.579.373	2.114.165.742	4.877.640.924
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	3.891.891	36.126.606	55.289.161	208.344.386
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		3.126.111	11.135.283	11.267.492	39.163.213
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá</i>	24		-	-	-	-
8 Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý kinh doanh	25	VI.5	3.096.854.115	8.549.336.768	2.672.540.730	7.590.710.959
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.047.976.268	17.936.001.269	6.755.546.762	19.787.656.783
11 Thu nhập khác	31	VI.6	4.685.574	735.152.507		1.438.181.818
12 Chi phí khác	32	VI.7	6.500.000	489.802.225	3.200.000	256.868.603
13 Lợi nhuận khác	40		(1.814.426)	245.350.282	(3.200.000)	1.181.313.215
			-	-		
14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		5.630.650.126	14.240.044.605	5.031.436.820	16.059.344.990
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.676.811.968	32.421.396.156	11.783.783.582	37.028.314.988
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		1.079.297.171	3.337.971.256	136.391.995	3.767.703.929
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-		
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.597.514.797</u>	<u>29.083.424.900</u>	<u>11.647.391.587</u>	<u>33.260.611.059</u>
	61					
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		37.142.794	140.425.166	91.644.815	304.697.893
	62					
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		11.560.372.003	28.942.999.734	11.555.746.772	32.955.913.166
<i>Trong đó</i>						
<i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</i>			7.190.524	7.142.396	5.486.180	5.511.392
	70	VI.8	<u>1.607,72</u>	<u>4.052,28</u>	<u>2.123,04</u>	<u>6.034,88</u>



NGUYỄN QUỐC HÙNG  
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

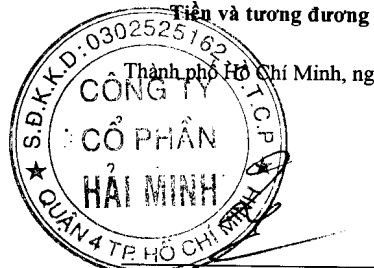
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 9 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	32.421.396.156	44.752.789.211
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.040.002.149	9.228.347.116
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(27.321.750)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.707.378.318)	(17.910.894.370)
- Chi phí lãi vay	06	11.135.283	48.761.914
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	21.765.155.270	36.091.682.121
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.522.707.853)	(6.731.664.032)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	187.827.032	(349.309.487)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	7.711.028.351	4.861.852.048
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(462.082.831)	(208.340.224)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(11.135.283)	(48.761.914)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.019.074.106)	(2.821.644.979)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(1.554.167.090)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	17.649.010.580	29.239.646.443
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(45.612.446.668)	(4.442.193.584)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	629.090.907	1.220.000.000
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.299.971.605)	(4.907.385.589)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	500.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.561.584.836	17.959.228.370
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(39.721.742.530)	10.329.649.197
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	1.419.470.000	-
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(1.167.200)	(2.670.377.835)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.000.000.000	373.651.267
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	(31.087.298)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(17.815.302.298)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	1.418.302.800	(20.143.116.164)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	(20.654.429.150)	19.426.179.476
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	57.678.932.405	38.225.431.179
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	27.321.750
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	37.024.503.255	57.678.932.405



NGUYỄN QUỐC HÙNG  
Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG  
Kế toán trưởng

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản Xuất – Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

### 4. Công ty con, Công ty liên kết

#### *Công ty con được hợp nhất:*

##### **Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát**

Địa chỉ: Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, Thành phố Hải Phòng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

##### **Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng**

Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

##### **Công ty TNHH Tiếp vận Hoàng Nam**

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 55,29%

##### **Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh**

Địa chỉ : KM 0+200, Đường Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành Phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 60,02%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 60,02%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý III năm 2012

---

*Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:*

### **Công ty TNHH "K" Line Việt Nam**

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%  
Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

### **Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh**

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%  
Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

### **Công ty CP Hàng Hải Hưng phú**

Địa chỉ : Số 21/4 Đường liên phường, P. Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 40,00%  
Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 40,00%

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính quý 3 năm 2012 thuộc năm tài chính thứ 11 của Công ty.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

#### **Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

Ngày 30/09/2012: 20.828 VND/USD

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý III năm 2012

---

năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam: Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

### **3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **4. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### **2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý III năm 2012

---

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **4. Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **5. Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

### **6. Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào một công ty mà phần góp vốn của Công ty chiếm dưới 20% vốn chủ sở hữu của công ty đó.

### **7. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### **8. Công cụ tài chính**

#### Ghi nhận ban đầu

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý III năm 2012

---

thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ dài hạn.

### ***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

## **9. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## **10. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

## **11. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

## **12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý III năm 2012

---

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **13. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là Website của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

### **14. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 1 đến 3 năm.

### **15. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **16. Nguồn vốn kinh doanh - Các quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty dùng để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động tại Công ty theo quy định hiện hành.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và có xác nhận của khách hàng về dịch vụ đã thực hiện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

### **19. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý III năm 2012

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Số dư 30/09/2012	Số dư 01/01/2012
<b>Tiền mặt</b>	<b>3.204.084.447</b>	<b>2.300.145.036</b>
Tiền VND	3.174.716.967	2.264.342.608
SGD quy đổi VND	-	6.434.948
USD quy đổi VND	29.367.480	29.367.480
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>8.706.696.204</b>	<b>4.665.064.765</b>
Tiền VND	8.580.705.081	2.809.042.986
Tiền USD quy đổi sang VND	125.991.123	1.856.021.779
Các khoản tương đương tiền	25.113.722.604	50.713.722.604
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>37.024.503.255</b>	<b>57.678.932.405</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng.

### 2. Phải thu khách hàng

Công ty Cổ phần Hải Minh	12.329.149.289	15.962.042.588
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	6.618.957.928	5.690.006.699
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	6.173.741.207	10.377.657.732
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	725.015.390	2.017.323.435
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	3.828.452.735	
<b>Cộng</b>	<b>29.675.316.549</b>	<b>34.047.030.454</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý III năm 2012

**3. Trả trước cho người bán**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số dư 30/09/2012</b>	<b>Số dư 01/01/2012</b>
Công ty Cổ phần Hải Minh	1.715.300.000	2.298.811.668
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	2.756.010.967	192.200.000
<b>Cộng</b>	<b>4.471.310.967</b>	<b>2.491.011.668</b>

**4. Các khoản phải thu khác**

Công ty Cổ phần Hải Minh	645.886.338	1.362.612.549
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	32.185.714	73.598.197
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	3.384.877.775	308.272.265
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	1.327.574.365	259.962.068
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.390.524.192</b>	<b>2.004.445.079</b>

**5. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Công ty Cổ phần Hải Minh	378.998.977	121.207.823
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	71.843.132	8.182.706
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	27.723.157	-
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	77.004.136	26.988.045
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	118.715.609	-
<b>Cộng</b>	<b>674.285.011</b>	<b>156.378.574</b>

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

Công ty Cổ phần Hải Minh	265.361.216	283.645.877
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	584.497.478	351.864.900
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	1.631.572.051	351.513.625
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	160.168.005	136.802.205
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.641.598.750</b>	<b>1.123.826.607</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý III năm 2012

**7. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	17.610.397.821	7.630.869.752	45.484.299.732	940.054.388	71.665.621.693
2. Tăng trong kỳ	1.891.052.904	5.158.649.625	11.473.720.353	90.112.546	18.613.535.428
3. Giảm trong kỳ	-	-	1.520.203.185	-	1.520.203.185
<b>4. Số dư 30/9/2012</b>	<b>19.501.450.725</b>	<b>12.789.519.377</b>	<b>55.437.816.900</b>	<b>1.030.166.934</b>	<b>88.758.953.936</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số đầu năm	7.634.266.445	5.641.387.091	20.315.087.539	569.890.192	34.160.631.267
2. Tăng trong kỳ	1.461.771.107	1.460.669.486	5.035.409.144	119.058.172	8.076.907.909
3. Giảm trong kỳ	-	-	1.036.905.760	-	1.036.905.760
<b>4. Số dư 30/9/2012</b>	<b>9.096.037.552</b>	<b>7.102.056.577</b>	<b>24.313.590.923</b>	<b>688.948.364</b>	<b>41.200.633.416</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Số đầu năm	9.976.131.376	1.989.482.661	25.169.212.193	370.164.196	37.504.990.426
<b>2. Số dư 30/9/2012</b>	<b>10.405.413.173</b>	<b>5.687.462.800</b>	<b>31.124.225.977</b>	<b>341.218.570</b>	<b>47.558.320.520</b>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
1. Tại 31/03/2012	941.733.810	68.765.109	1.010.498.919
<b>2. Tại 30/9/2012</b>	<b>941.733.810</b>	<b>68.765.109</b>	<b>1.010.498.919</b>

**8. Tăng, giảm TSCĐ vô hình**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tài sản cố định vô hình-Phần mềm máy tính</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Cộng tài sản vô hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số đầu năm	17.000.000	1.120.000.000	1.137.000.000
2. Tăng trong kỳ	-	27.485.376.000	27.485.376.000
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>4. Số dư 30/9/2012</b>	<b>17.000.000</b>	<b>28.605.376.000</b>	<b>28.622.376.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
1. Số đầu năm	17.000.000	-	17.000.000
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>4. Số dư 30/9/2012</b>	<b>17.000.000</b>	-	<b>17.000.000</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Số đầu năm	-	1.120.000.000	1.120.000.000
<b>2. Số dư 30/9/2012</b>	<b>-</b>	<b>28.605.376.000</b>	<b>28.605.376.000</b>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.000.000 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý III năm 2012

**9. Đầu tư tài chính dài hạn**

Chỉ tiêu	Số dư 30/09/2012	Số dư 01/01/2012
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	63.381.688.086	51.081.716.481
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	6.800.000.000
+ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>70.181.688.086</b>	<b>57.881.716.481</b>

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

Công ty Cổ phần Hải Minh	660.766.563	1.343.718.036
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	44.064.092	106.736.544
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	913.650.622	223.850.303
<b>Cộng</b>	<b>1.618.481.277</b>	<b>1.674.304.883</b>

**11. Tài sản dài hạn khác**

Công ty Cổ phần Hải Minh	215.680.858	215.680.858
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	3.212.000	3.212.000
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	49.400.000	49.400.000
<b>Cộng</b>	<b>268.292.858</b>	<b>268.292.858</b>

**12. Phải trả người bán**

Công ty Cổ phần Hải Minh	16.027.968.699	15.999.626.923
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.724.187.758	2.166.286.706
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	4.388.111.270	3.517.578.400
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	661.647.001	436.277.800
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.290.187.700	-
<b>Cộng</b>	<b>24.092.102.428</b>	<b>22.119.769.829</b>

**13. Người mua trả tiền trước**

Công ty Cổ phần Hải Minh	660.000	-
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	30.000.000	-
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	838.770.372	-
<b>Cộng</b>	<b>869.430.372</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
Quý III năm 2012

---

**14. Thuế và các khoản phải nộp khác**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số dư 30/09/2012</b>	<b>Số dư 01/01/2012</b>
Công ty Cổ phần Hải Minh	906.131.491	2.067.459.859
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.749.750.963	1.422.980.780
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	851.209.005	1.203.070.827
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	217.680.106	223.808.364
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	94.642.281	
<b>Cộng</b>	<b>3.819.413.846</b>	<b>4.917.319.830</b>

**15. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số dư 30/09/2012</b>	<b>Số dư 01/01/2012</b>
Công ty Cổ phần Hải Minh	502.340.360	5.544.093.465
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	72.060.299	417.287.865
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	1.873.872.340	159.514.876
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	548.639.900	532.284.494
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.186.240.000	
<b>Cộng</b>	<b>4.183.152.899</b>	<b>6.653.180.700</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

**16. Vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2011	56.163.800.000	19.339.670.000	-	(1.901.520.795)	2.051.360.115	2.011.911.136	67.756.119.915	145.421.340.371
Tăng vốn trong năm trước	17.411.160.000	-	-	-	-	-	-	17.411.160.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	39.830.872.780	39.830.872.780
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	(2.670.377.835)	-	-	-	(2.670.377.835)
Chia lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(22.376.341.618)	(22.376.341.618)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.156.400.000	(726.865.879)	429.534.121
Giảm khác	-	(17.411.160.000)	-	-	-	-	-	(17.411.160.000)
<b>Số dư 31/12/2011</b>	<b>73.574.960.000</b>	<b>1.928.510.000</b>	<b>-</b>	<b>(4.571.898.630)</b>	<b>2.051.360.115</b>	<b>3.168.311.136</b>	<b>84.483.785.198</b>	<b>160.635.027.819</b>
Số dư 01/01/2012	73.574.960.000	1.928.510.000	-	(4.571.898.630)	2.051.360.115	3.168.311.136	84.483.785.198	160.635.027.819
Tăng trong kỳ	24.273.970.000	-	-	(1.167.200)	-	-	-	24.272.802.800
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2012	-	-	-	-	-	-	28.942.999.734	28.942.999.734
Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia lợi nhuận trong kỳ(*)	-	-	-	-	-	-	(28.201.963.525)	(28.201.963.525)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.207.686.800	(9.240.699.035)	(8.033.012.235)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/09/2012</b>	<b>97.848.930.000</b>	<b>1.928.510.000</b>	<b>-</b>	<b>(4.573.065.830)</b>	<b>2.051.360.115</b>	<b>4.375.997.936</b>	<b>75.984.122.372</b>	<b>177.615.854.593</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

**Cổ phiếu**

Chỉ tiêu	Số dư 30/09/2012	Số dư 01/03/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.142.396	5.531.480
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.142.39	5.353.890
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	177.590
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	215.216	215.100
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	215.216	215.100
- Số lượng cổ phiếu được bán ra	2.427.397	1.741.116
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	1.741.116
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.569.793</b>	<b>7.357.496</b>

(\*) Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.

**Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng**

Chỉ tiêu	Quý 3 năm 2012	Lũy kế từ đầu năm 2012	Quý 3 năm 2011	9 tháng đầu năm 2011
<b>Công ty Cổ phần Hải Minh</b>	9.956.946.871	27.338.326.380	10.100.874.527	26.973.775.897
Dịch vụ vận tải	3.011.306.816	8.571.419.501	4.527.319.362	11.371.991.140
Dịch vụ khai thác cảng	2.597.086.136	6.335.037.118	2.581.506.475	7.418.679.917
Dịch vụ đại lý	3.703.484.848	10.511.924.721	2.962.707.080	8.073.536.357
Dịch vụ khác	645.069.071	1.919.945.040	29.341.610	109.568.483
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</b>	10.904.510.462	31.648.713.871	9.603.580.194	24.950.657.701
<b>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</b>	5.789.142.438	27.187.091.680	9.091.182.392	30.726.819.826
<b>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</b>	942.596.507	4.017.788.908	2.383.328.272	6.383.001.813
<b>Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh</b>	5.572.641.773	5.572.641.773	-	-
<b>Cộng</b>	<b>33.165.838.051</b>	<b>95.764.562.612</b>	<b>31.178.965.385</b>	<b>89.034.255.237</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý III năm 2012

**2. Giá vốn hàng bán**

Chỉ tiêu	Quý 3 năm 2012	Lũy kế từ đầu năm 2012	Quý 3 năm 2011	9 tháng đầu năm 2011
Công ty Cổ phần Hải Minh	6.010.110.593	16.707.366.200	7.087.362.852	17.057.982.690
Dịch vụ vận tải	2.704.563.954	7.642.774.578	4.483.988.126	10.149.911.890
Dịch vụ khai thác cảng	1.642.736.266	5.499.982.388	1.731.393.622	4.353.046.525
Dịch vụ đại lý	1.207.701.212	3.109.500.073	871.981.104	2.555.024.275
Dịch vụ khác	455.109.161	455.109.161		
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	4.169.086.015	20.986.717.100	6.637.996.857	18.934.130.147
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	7.378.180.947	23.932.295.600	7.750.480.002	23.924.980.492
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	2.435.826.671	7.242.575.877	2.333.914.763	6.408.090.704
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	4.010.722.565	4.010.722.565	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.003.926.791</b>	<b>72.879.677.342</b>	<b>23.809.754.474</b>	<b>66.325.184.033</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Công ty Cổ phần Hải Minh	486.016.548	2.218.429.366	1.778.145.233	3.846.841.608
Lãi tiền gửi ngân hàng	451.934.446	1.666.173.449	1.438.467.556	2.708.960.973
Chênh lệch tỷ giá thực hiện	34.082.102	152.131.728	53.671.757	541.494.374
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	124.189	-	-
Khác	-	400.000.000	285.992.420	596.372.761
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	71.106.136	525.787.657	315.611.467	978.614.116
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	338.742.445	795.907.430	20.409.042	52.185.200
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	12.639.899	18.148.934	-	-
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	78.305.986	78.305.986	-	-
<b>Cộng</b>	<b>986.811.014</b>	<b>3.636.579.373</b>	<b>2.114.165.742</b>	<b>4.877.640.924</b>

**4. Chi phí tài chính**

Công ty Cổ phần Hải Minh	765.774	13.710.414	43.997.451	112.540.064
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	765.774	13.710.414	43.997.451	112.540.064
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	2.711.117	2.711.117	-	1.048.701
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	19.290.075	11.267.492	94.731.403
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	24.218	24.218
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	415.000	415.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.891.891</b>	<b>36.126.606</b>	<b>55.289.161</b>	<b>208.344.386</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 Quý III năm 2012

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Quý 3 năm 2012	Lũy kế từ đầu năm 2012	Quý 3 năm 2011	9 tháng đầu năm 2011
<b>Công ty Cổ phần Hải Minh</b>	1.381.386.162	4.102.141.070	1.284.242.288	3.704.154.503
Chi phí nhân viên quản lý	639.883.381	1.681.321.743	537.036.905	1.431.111.926
Chi phí vật liệu quản lý	21.300.000	64.950.000	21.750.000	65.397.750
Chi phí đồ dùng văn phòng	50.285.938	134.337.432	26.868.467	79.761.232
Chi phí khấu hao TSCĐ	44.005.785	131.387.051	44.178.213	132.182.648
Thuế, phí, lệ phí	9.013.689	31.869.843	14.955.735	36.408.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	393.669.534	1.246.224.455	541.886.225	1.635.201.501
Chi phí bằng tiền khác	223.227.835	812.050.546	97.566.743	324.091.342
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</b>	704.898.563	1.952.602.066	629.566.854	1.673.793.896
<b>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</b>	388.568.265	1.272.130.844	383.609.291	1.229.085.505
<b>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</b>	280.073.742	880.535.405	375.122.297	983.677.055
<b>Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh</b>	341.927.383	341.927.383		
<b>Cộng</b>	<b>3.096.854.115</b>	<b>8.549.336.768</b>	<b>2.672.540.730</b>	<b>7.590.710.959</b>

**6. Thu nhập khác**

<b>Công ty Cổ phần Hải Minh</b>	4.685.574	416.061.600	-	1.220.000.000
Thanh lý TSCĐ	-	310.909.091	-	1.220.000.000
Thu các khoản nợ không xác định được chủ nợ	4.685.574	105.152.509		
Các khoản thu nhập khác	-	-		
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</b>	-	909.091	-	218.181.818
<b>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</b>	-	-	-	-
<b>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</b>	-	318.181.816	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.685.574</b>	<b>735.152.507</b>	<b>-</b>	<b>1.438.181.818</b>

**7. Chi phí khác**

<b>Công ty Cổ phần Hải Minh</b>	-	270.333.787	1.500.000	206.834.603
Thanh lý TSCĐ	-	270.333.787		205.334.603
Phạt chậm nộp	-	-	1.500.000	1.500.000
Các khoản chi phí khác	-	-		
<b>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</b>	6.500.000	6.500.000	1.700.000	50.034.000
<b>Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng</b>	-	4.800		
<b>Công ty Tiếp vận Hoàng Nam</b>	-	212.963.638		
<b>Cộng</b>	<b>6.500.000</b>	<b>489.802.225</b>	<b>3.200.000</b>	<b>256.868.603</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2012

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý 3 năm 2012</u>	<u>Quý 3 năm 2011</u>
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	7.142.396	5.486.180
Số lượng cổ phiếu bán ra trong kỳ	2.427.397	-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	7.190.524	5.486.180
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.560.372.003	11.555.746.772
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.607,72</b>	<b>2.123,04</b>



Tp.HCM ngày 13 tháng 11 năm 2012

**NGUYỄN QUỐC HÙNG**  
Giám đốc

**NGUYỄN THẾ HÙNG**  
Kế toán trưởng